



**Thời Khóa Biểu Lớp**  
Học Kỳ 1 - Năm Học 25-26

Mã lớp thời khóa biểu: 25B3A2

Ngành: Kỹ thuật máy tính (Khóa 51)

Đơn vị: Trường Bách khoa

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ: **08/09/2025** (Khóa mới K51 bắt đầu học từ ngày 08/09/2025, tuần thứ 01 của học kỳ).

| Thứ                           | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên  | Tiết học     | Phòng học | Địa điểm         | Trực tuyến | Tuần học<br>123456789012345 |
|-------------------------------|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------|--------------|-----------|------------------|------------|-----------------------------|
| <b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b> |                |         |                                      |              |      |              |           |                  |            |                             |
| 2                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 2                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 2                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 2                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | -----6789--- | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 2                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 2                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 3                             | CN096          | D02     | Hóa vật liệu điện tử                 | 00013        | Tuấn | 123-----     | 202/D2    | Nhà học D2       |            | 234567 01                   |
| 3                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 3                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 3                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 3                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | -----6789--- | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 3                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 3                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 3                             | CN100          | D02     | Nhập môn kỹ thuật                    | 01061        | Luân | -----89---   | 103/B1    | Nhà học B1       |            | 234567 01                   |
| 4                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 4                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 4                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 4                             | CN100          | D02     | Nhập môn kỹ thuật                    | 01061        | Luân | -----678---- | 302/D2    | Nhà học D2       |            | 234567 01                   |
| 4                             | QP010E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*) |              |      | -----678---- | TTQP31    | Trực tuyến       | X          | 1                           |
| 4                             | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----678---- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 8                           |
| 4                             | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----678---- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA)  |            | 9                           |
| 4                             | SHCVHT         | D05     | Cố vấn học tập sinh hoạt lớp         | 02729        | Châu | -----9---    | 308/CN    | Trường Bách khoa |            | 2 6 0                       |

## Thời Khóa Biểu Lớp

Mã lớp thời khóa biểu: 25B3A2

Trang 2

| Thứ | Mã số học phần | Ký hiệu | Tên học phần                         | Mã số G.Viên | Tên  | Tiết học     | Phòng học | Địa điểm        | Trực tuyến | Tuần học<br>123456789012345 |
|-----|----------------|---------|--------------------------------------|--------------|------|--------------|-----------|-----------------|------------|-----------------------------|
| 5   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 5   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 5   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |
| 5   | CN096          | D02     | Hóa vật liệu điện tử                 | 00013        | Tuấn | 123-----     | 205/D2    | Nhà học D2      |            | 234567 01                   |
| 5   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | -----6789--- | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 5   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 5   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |
| 6   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 6   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 6   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |
| 6   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | -----6789--- | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 6   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 6   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |
| 7   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | 1234-----    | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 7   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 7   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | 1234-----    | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |
| 7   | QP011E         | D03     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*) |              |      | -----6789--- | TTQP31    | Trực tuyến      | X          | 1                           |
| 7   | QP012          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 8                           |
| 7   | QP013          | D01     | Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*) |              |      | -----6789--- | TTGDQP    | TT GDQP&AN (HA) |            | 9                           |

### \* Lưu ý:

- Sinh viên khóa mới (K51) bắt đầu học từ ngày 08/09/2025 (tuần thứ 01 của học kỳ).
- Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.  
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.
- Tiết học 1, 2, 3, 4, 5 buổi sáng và tiết 6, 7, 8, 9 buổi chiều, chi tiết xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/bang-phan-bo-thoi-gian-tiet-hoc>
- Ký hiệu nhà học, phòng học xem tại <https://tansinhvien.ctu.edu.vn/hoc-tap/so-do-nha-hoc-ky-hieu-phong-hoc>
- Cột "Trực tuyến" được đánh dấu "X" đối với lớp học phần được giảng dạy hình thức trực tuyến. GV sẽ thông tin đến SV trước khi bắt đầu tiết học.